

Số: 1217/QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030 “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ năng lượng”, mã số: KC.05/21-30

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BKHCN ngày 12/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Thực hiện Nghị quyết số 55/NQ-TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Thực hiện Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13/03/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030;

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc tái cơ cấu các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 tại Công văn số 1066/TTg- KGVX ngày 05/8/2021;

Thực hiện Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030: “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ năng lượng” (sau đây gọi tắt là Chương trình), mã số: KC.05/21-30. Mục tiêu, nội dung, dự kiến sản phẩm, yêu cầu đối với sản phẩm khoa học và chỉ tiêu đánh giá của

Chương trình quy định tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Cơ chế quản lý và tài chính của Chương trình được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật, Ban Chủ nhiệm Chương trình, Giám đốc Văn phòng các chương trình trọng điểm cấp nhà nước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban KHCNMT của Quốc hội;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Lưu VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Văn Tùng

1960
RECEIVED



1-10-60

PHỤ LỤC

Mục tiêu, nội dung, dự kiến sản phẩm, yêu cầu đối với sản phẩm khoa học và chỉ tiêu đánh giá của chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030 “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ năng lượng”, mã số: KC.05/21-30

(Kèm theo Quyết định số 1217/QĐ-BKHHCN ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

I. Mục tiêu

1. Ứng dụng và làm chủ các công nghệ, thiết bị tiên tiến trong thăm dò, khai thác, sản xuất và sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng sơ cấp, năng lượng sạch, năng lượng sinh học, năng lượng tái tạo góp phần giảm phát thải khí nhà kính, đáp ứng chiến lược và định hướng phát triển năng lượng quốc gia.
2. Phát triển công nghệ, thiết bị tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, độ an toàn, tin cậy trong sản xuất, truyền tải, phân phối và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.
3. Tiếp thu, ứng dụng, phát triển công nghệ lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu và công nghệ bức xạ, đồng vị phóng xạ trong các ngành, lĩnh vực.

II. Nội dung

1. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến trong thăm dò, khai thác, sản xuất và sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng sơ cấp.
2. Nghiên cứu phát triển, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong khai thác nguồn năng lượng mặt trời, gió, sinh khối, hydro và một số dạng năng lượng mới khác.
3. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến trong phát triển, hiện đại hóa hệ thống điện; các giải pháp nâng cao an ninh, an toàn, độ tin cậy hệ thống và chất lượng điện; công nghệ, thiết bị lưu trữ năng lượng tiên tiến, thân thiện với môi trường phù hợp với điều kiện Việt Nam.
4. Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị, ứng dụng các công nghệ tiên tiến và chuyển đổi số trong quản lý, khai thác, sản xuất, phân phối, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.
5. Nghiên cứu thiết kế, vận hành an toàn, hiệu quả lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu; công nghệ bức xạ, đồng vị phóng xạ và thiết bị bức xạ, ghi đo bức xạ ứng dụng trong công nghiệp, nông nghiệp, y tế, tài nguyên, môi trường.

III. Dự kiến sản phẩm

1. Quy trình công nghệ tiên tiến trong thăm dò, khai thác, sản xuất, sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng sơ cấp. Công nghệ khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng mặt trời, gió, sinh khối, hydro và một số dạng năng lượng khác.
2. Giải pháp, công nghệ tiên tiến nâng cao an toàn, an ninh, độ tin cậy, chất lượng trong quản lý, sản xuất, truyền tải, phân phối, lưu trữ và tiêu thụ điện năng.

3. Bộ tài liệu thiết kế, phân tích an toàn, quy trình vận hành lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu; quy trình chế tạo đồng vị phóng xạ, công nghệ bức xạ; cơ sở dữ liệu phóng xạ môi trường.

4. Thiết bị sử dụng năng lượng hiệu suất cao, thiết bị tiên tiến nâng cao chất lượng điện năng, thiết bị đo lường, hệ thống giám sát thông minh trong sản xuất, phân phối và sử dụng năng lượng.

5. Hệ thống, thiết bị lưu trữ năng lượng tiên tiến, thân thiện môi trường.

6. Thiết bị sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng và dịch vụ.

7. Thiết bị, sản phẩm ứng dụng công nghệ bức xạ và đồng vị phóng xạ trong công nghiệp, nông nghiệp, y tế, tài nguyên, môi trường.

IV. Yêu cầu đối với sản phẩm khoa học

Giải pháp, quy trình công nghệ, sản phẩm vật liệu được tạo ra có tính năng kỹ thuật, kiểu dáng, chất lượng tương đương, có thể cạnh tranh được với các công nghệ, sản phẩm cùng loại của các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới.

V. Chỉ tiêu đánh giá

1. Về ứng dụng vào thực tiễn:

- 50% số nhiệm vụ có kết quả được ứng dụng trong thực tiễn, trong đó 20% số nhiệm vụ có khả năng thương mại hóa.

- 70% công nghệ, dây chuyền, thiết bị, sản phẩm tạo ra có tính năng tương đương với công nghệ, dây chuyền, thiết bị, sản phẩm tiên tiến cùng loại của các nước tiên tiến trong khu vực, trên thế giới.

2. Về trình độ khoa học:

- 100% số nhiệm vụ có kết quả được công bố trên các tạp chí khoa học thuộc Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm của Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành được phê duyệt theo Quyết định của Hội đồng giáo sư nhà nước.

- Ít nhất 20% số nhiệm vụ có bài báo quốc tế đăng trên các tạp chí thuộc danh mục Web of Science/Scopus.

3. Về sở hữu trí tuệ:

- Ít nhất 50% số nhiệm vụ có đơn đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích) được chấp nhận, trong đó 10% số nhiệm vụ có bằng độc quyền sáng chế hoặc giải pháp hữu ích được công nhận.

4. Về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực:

- 50% số nhiệm vụ có tham gia đào tạo sau đại học, trong đó 10% số nhiệm vụ có tham gia đào tạo tiến sĩ.

5. Về cơ cấu nhiệm vụ:

- 50% số nhiệm vụ có doanh nghiệp tham gia thực hiện./